TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 1699/2025/DS-PT.
Ngày: 29/12/2025.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phù Quốc Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Bích Sơn.

Bà Nguyễn Mai Trâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hồng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 29 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 878/2025/TLPT-DS ngày 03/10/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án sơ thẩm số 985/2025/DS-ST ngày 17/6/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh) bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6623/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 22360/2025/QĐ-PT ngày 04/12/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Minh T, sinh năm: 1994; địa chỉ: 190/13A Xóm Đ, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố H).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm: 1981; địa chỉ: 121 huyện D, tỉnh L (nay là xã D, tỉnh L) - theo Văn bản ủy quyền ngày 03/10/2024.

(có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Đào Thị Thanh V, sinh năm: 1973; địa chỉ: 42C Đường M, phường P, Thành phố T, Thành phố H (nay là phường P, Thành phố H).

(có đơn xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Hoàng Văn A – Luật sư Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: 21 P, phường Đ, Quận M, Thành phố H (nay là phường T, Thành phố H).

(có đơn xin vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1971; địa chỉ: 42C Đường M, phường P, Thành phố T, Thành phố H (nay là phường P, Thành phố H).

(có đơn xin vắng mặt)

2. Bà Đặng Thị Hồng N, sinh năm: 1994; địa chỉ: 11 C, thị trấn D, huyện D, tỉnh L (nay là xã D, tỉnh L), (có đơn xin vắng mặt)

- *Người làm chứng*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1991; địa chỉ: 27 N, thị trấn D, huyện D, tỉnh L (nay là xã D, tỉnh L).

(vắng mặt)

Người kháng cáo: nguyên đơn ông Trần Minh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Theo Đơn khởi kiện ngày 24/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Minh T trình bày:

Ông Trần Minh T có quan hệ quen biết với bà Đặng Thị Hồng N. Thông qua bà Đặng Thị Hồng N thì ông Trần Minh T được biết bà Đào Thị Thanh V đang cần vay tiền để tất toán khoản vay đến hạn tại ngân hàng. Nên ông Trần Minh T đã đồng ý cho bà Đào Thị Thanh V, ông Nguyễn Văn C vay tiền.

Ngày 07/12/2023, ông Trần Minh T và bà Đào Thị Thanh V đã ký giấy vay tiền. Ông Trần Minh T đã giao 770.000.000 đồng cho bà Đào Thị Thanh V tại nhà riêng của bà Đào Thị Thanh V và ông Nguyễn Văn C (là chồng của bà Viên). Đến ngày 22/01/2024, bà Đào Thị Thanh V đã viết giấy cam kết trả nợ cho ông Trần Minh T với nội dung cam kết trả số tiền 802.200.000 đồng, gồm 770.000.000 đồng nợ gốc và 32.200.000 đồng tiền lãi. Nay ông Trần Minh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đào Thị Thanh V, ông Nguyễn Văn C trả số tiền 802.200.000 đồng theo giấy cam kết trả nợ ngày 22/01/2024.

Bị đơn bà Đào Thị Thanh V trình bày:

Bà Đào Thị Thanh V thừa nhận bà và chồng là ông Nguyễn Văn C có ký giấy cam kết trả nợ ngày 22/01/2024 với ông Trần Minh T đối với số tiền 802.200.000 đồng. Lý do vì cần làm hồ sơ đáo nợ ngân hàng nên cán bộ tín dụng yêu cầu phải ký vào giấy cam kết trả nợ thì mới được làm thủ tục đáo nợ ngân hàng. Tuy nhiên, sau đó bà Đào Thị Thanh V đã xé giấy cam kết trả nợ ngày 22/01/2024.

Bà Đào Thị Thanh V xác nhận có vay của ông Trần Minh T số tiền 210.000.000 đồng do bà Đặng Thị Hồng N chuyển vào tài khoản của bà vào ngày 08/12/2023 có ghi nội dung *"Trần Minh T chuyển khoản chị Viên mượn"* để tất toán khoản vay thẻ tín dụng mở tại ngân hàng V Chi nhánh Trần Nhân Tôn. Tuy nhiên,

sau đó bà Đào Thị Thanh V đã chuyển trả cho ông Trần Minh T thông qua số tài khoản của bà Đặng Thị Hồng N số tiền 216.000.000 đồng, gồm 210.000.000 đồng tiền nợ gốc và 6.000.000 đồng tiền nợ lãi. Ngoài ra, bà Đào Thị Thanh V không còn bất kỳ khoản vay hay chi phí dịch vụ nào khác cần phải thanh toán cho ông Trần Minh T. Do đó, bà Đào Thị Thanh V không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C trình bày: thống nhất với lời trình bày của bà Đào Thị Thanh V và không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Hồng N trình bày:

Bà Đào Thị Thanh V từng vay mượn tiền bà Đặng Thị Hồng N nên giữa hai bên có quen biết. Bà Đào Thị Thanh V có gọi điện cho bà nói rằng có nhu cầu vay một khoản tiền 770.000.000 đồng để làm hồ sơ đáo hạn ngân hàng nên bà Đặng Thị Hồng N giới thiệu bà Đào Thị Thanh V tới gặp ông Trần Minh T để vay tiền. Việc vay tiền, cam kết trả nợ, giao nhận tiền giữa các bên như thế nào thì bà Đặng Thị Hồng N không biết.

Ngày 08/12/2023, bà Đặng Thị Hồng N đã chuyển vào tài khoản của bà Đào Thị Thanh V số tiền 210.000.000 đồng, có ghi nội dung: "*Trần Minh T chuyển khoản chị Viên mượn*". Đến ngày 23/01/2024, bà Đào Thị Thanh V đã chuyển trả số tiền 216.000.000 đồng vào tài khoản của bà Đặng Thị Hồng N. Theo như bà Đào Thị Thanh V trình bày thì đây là số tiền bà Đào Thị Thanh V trả cho ông Trần Minh T trong khoản vay 770.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện giữa ông Trần Minh T và bà Đào Thị Thanh V thì bà Đặng Thị Hồng N không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đồng thời, bà Đặng Thị Hồng N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông Nguyễn Văn T là nhân viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (V) - Phòng giao dịch Phan Đăng Lưu. Ông Nguyễn Văn T có chứng kiến ông Trần Minh T, bà Đào Thị Thanh V viết giấy cam kết trả nợ ngày 22/01/2024 cũng như việc bà Đào Thị Thanh V đã xé giấy cam kết trả nợ tại Ngân hàng vào ngày 24/01/2024. Ngoài ra, ông Nguyễn Văn T không chứng kiến bà Đào Thị Thanh V có trả nợ tại thời gian trên. Đồng thời, ông Nguyễn Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 985/2025/DS-ST ngày 17/6/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh) đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 93; Điều 95; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T về việc buộc bà Đào Thị Thanh V, ông Nguyễn Văn C trả số tiền 802.200.000 đồng, bao gồm: nợ gốc là 770.000.000 đồng và tiền lãi là 32.200.000 đồng. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 16/7/2025, ông Trần Minh T kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm số 985/2025/DS-ST ngày 17/6/2025 theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T.

Tại phiên toà phúc thẩm:

1. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Về việc giải quyết vụ án: do ông Trần Minh T kháng cáo bản án sơ thẩm nhưng không cung cấp được bản chính giấy vay tiền ngày 07/12/2023 và giấy cam kết trả nợ ngày 22/01/2024 cũng như không nộp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có giao cho bà Đào Thị Thanh V, ông Nguyễn Văn C số tiền 770.000.000 đồng. Ngoài ra, lời khai của ông Trần Minh T không thống nhất, mâu thuẫn về số tiền vay và không được bà Đào Thị Thanh V, ông Nguyễn Văn C thừa nhận. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Minh T là có cơ sở nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Minh T. Ngoài ra, các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hướng giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông Trần Minh T kháng cáo trong thời hạn luật định, đơn kháng cáo có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Xét các đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Minh T:

Ông Trần Minh T khởi kiện buộc bà Đào Thị Thanh V, ông Nguyễn Văn C trả số tiền 802.200.000 đồng (trong đó bao gồm 770.000.000 đồng nợ vay và 32.200.000 đồng tiền lãi phát sinh) căn cứ vào giấy vay tiền ngày 07/12/2023 và giấy cam kết trả nợ ngày 22/01/2024 có chữ ký xác nhận của bà Đào Thị Thanh V, ông Nguyễn Văn C. Tuy nhiên, bà Đào Thị Thanh V, ông Nguyễn Văn C chỉ thừa nhận số nợ 210.000.000 đồng và không thừa nhận số nợ 560.000.000 đồng. Về việc này, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[2.1.1] Đối với số nợ 210.000.000 đồng:

Xét tại cấp sơ thẩm, bà Đào Thị Thanh V, ông Nguyễn Văn C, bà Đặng Thị Hồng N cùng có lời khai xác nhận: *ông Trần Minh T có cho bà Đào Thị Thanh V, ông Nguyễn Văn C vay số tiền 210.000.000 đồng để tất toán khoản vay đến hạn tại ngân hàng V thông qua bà Đặng Thị Hồng N. Đến ngày 08/12/2023, bà Đặng Thị Hồng N đã chuyển vào tài khoản của bà Đào Thị Thanh V số tiền 210.000.000 đ ồng, có ghi nội dung: "Trần Minh T chuyển khoản chị Viên mượn". Đến ngày 23/01/2024, bà Đào Thị Thanh V đã chuyển trả nợ gốc 210.000.000 đồng và tiền lãi 6.000.000 đồng vào tài khoản của bà Đặng Thị Hồng N*. Về phía ông Trần Minh T có lời khai xác nhận đã nhận được khoản tiền 216.000.000 đồng từ bà Đặng Thị Hồng N. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử khẳng định tình tiết này là sự thật và đủ cơ sở xác định: bà Đào Thị Thanh V, ông Nguyễn Văn C có vay của ông Trần Minh T số tiền là 210.000.000 đồng và đã thanh toán nợ gốc, tiền lãi phát sinh cho ông Trần Minh T vào ngày 23/01/2024. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T với khoản vay này là không có cơ sở nên cấp sơ thẩm không chấp nhận là phù hợp.

[2.1.2] Đối với yêu cầu trả số tiền 560.000.000 đồng:

Ông Trần Minh T có yêu cầu bà Đào Thị Thanh V, ông Nguyễn Văn C trả số tiền 560.000.000 đồng căn cứ vào giấy vay tiền ngày 07/12/2023 và giấy cam kết trả nợ ngày 22/01/2024 có chữ ký xác nhận của bà Đào Thị Thanh V, ông Nguyễn Văn C. Tuy nhiên, ông Trần Minh T thừa nhận không còn lưu giữ bản chính của giấy vay tiền ngày 07/12/2023 và giấy cam kết trả nợ ngày 22/01/2024 do bà Đào Thị Thanh V đã xé bỏ bản chính. Về phía bà Đào Thị Thanh V, ông Nguyễn Văn C không thừa nhận số nợ trên.

Căn cứ khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 thì ông Trần Minh T phải có nghĩa vụ chứng minh đã giao số tiền 560.000.000 đồng cho bà Đào Thị Thanh V, ông Nguyễn Văn C. Xét thấy tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, ông Trần Minh T ngoài lời khai thì không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh đã giao số tiền trên cho bà Đào Thị Thanh V, ông Nguyễn Văn C. Ngoài ra, xét thấy nội dung tại Vi bằng số 938/2024/VB-TPLTP ngày 20/9/2024 và lời khai của các đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đủ cơ sở xác định giữa ông Trần Minh T, bà Đặng Thị Hồng N có thỏa thuận với

bà Đào Thị Thanh V, ông Nguyễn Văn C để cung cấp dịch vụ đáo hạn nợ ngân hàng đối với khoản vay của bà Đào Thị Thanh V tại ngân hàng V. Như vậy, việc bà Đào Thị Thanh V cho rằng bị buộc phải ký giấy vay tiền ngày 07/12/2023 và giấy cam kết trả nợ ngày 22/01/2024 để làm thủ tục đáo hạn nợ tại ngân hàng là có cơ sở. Do đó, việc ông Trần Minh T yêu cầu bà Đào Thị Thanh V, ông Nguyễn Văn C trả số tiền 560.000.000 đồng là không có cơ sở nên cấp sơ thẩm không chấp nhận là phù hợp.

Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của ông Trần Minh T là không có cơ sở nên không chấp nhận và giữ nguyên bản án dân sự số 985/2025/DS-ST ngày 17/6/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh).

[2.3] Như đã phân tích, xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T không được chấp nhận nên ông Trần Minh T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo của ông Trần Minh T không được chấp nhận nên ông Trần Minh T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 91, Điều 92, Điều 273, Điều 296, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Minh T.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 985/2025/DS-ST ngày 17/6/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Minh T phải chịu số tiền 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền ký hiệu: BLTU/25E số 0006313 ngày 30/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TAND Tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Khu vực 2 – TP.HCM;
- VKSND Khu vực 2 – TP.HCM;
- Phòng THADS Khu vực 2 - TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phù Quốc Tuấn